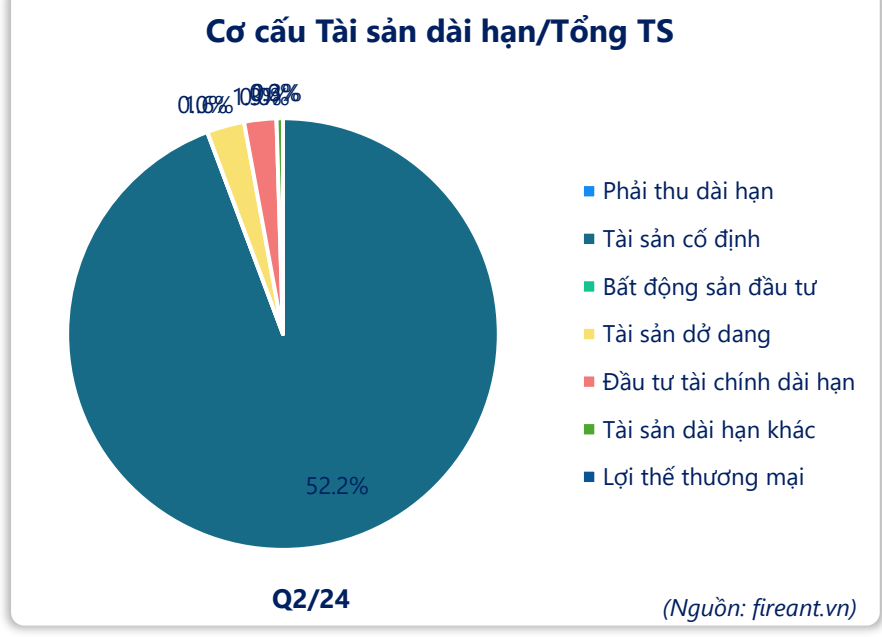
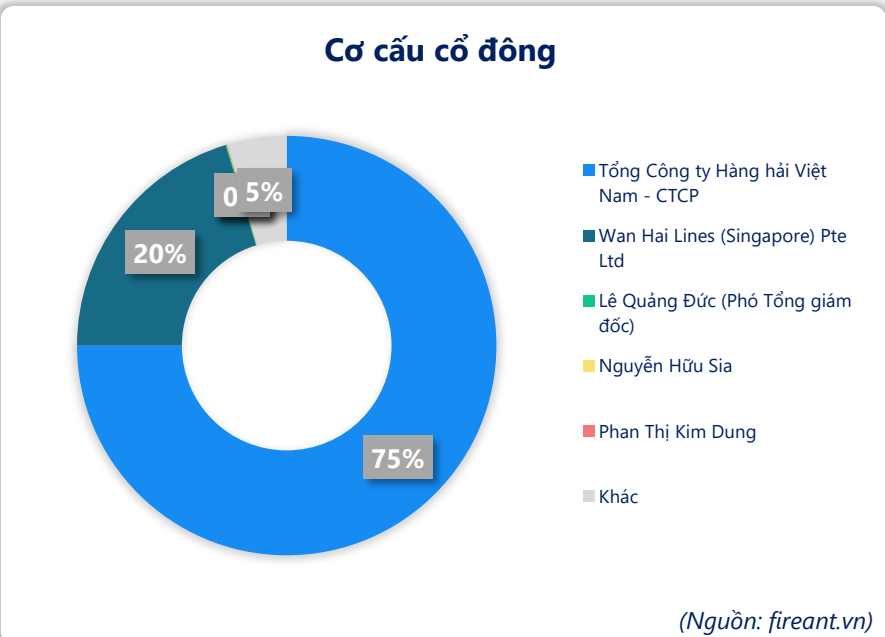
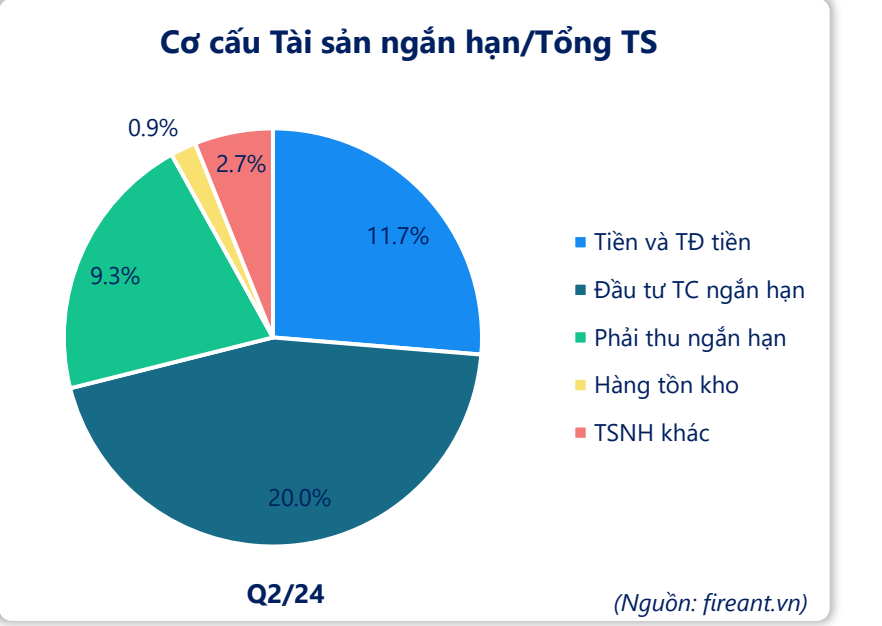
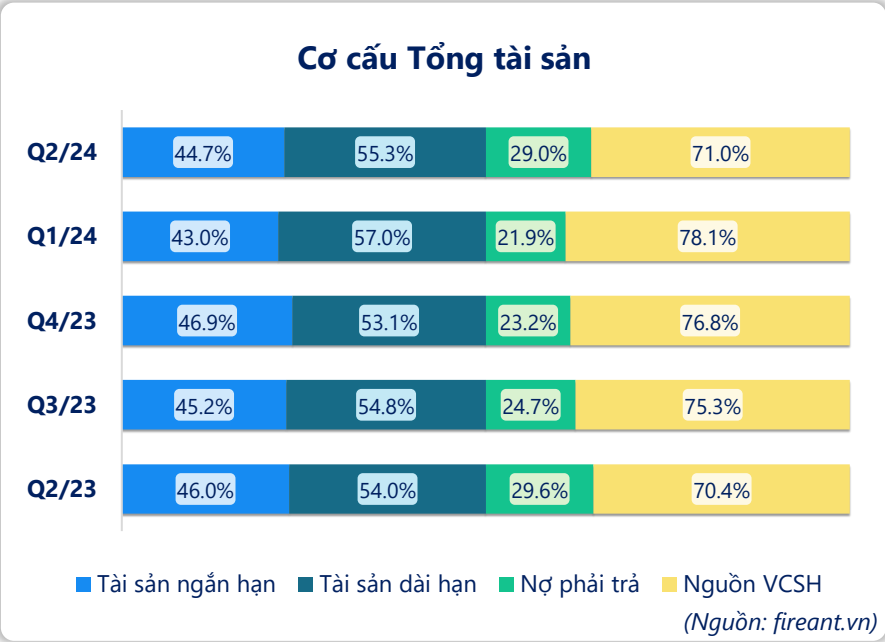
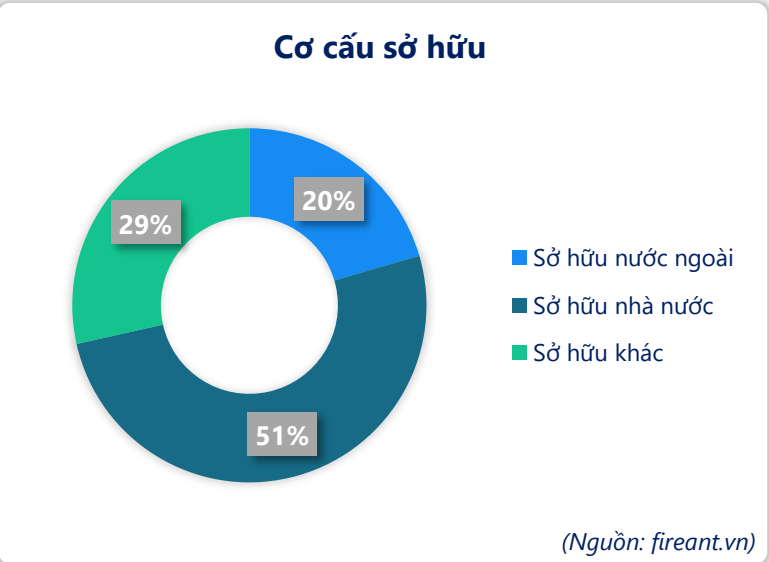
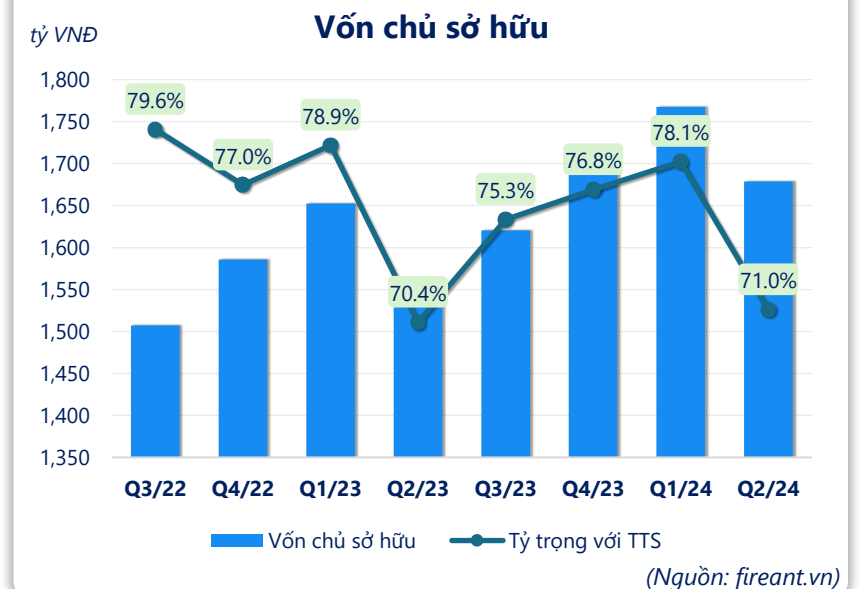
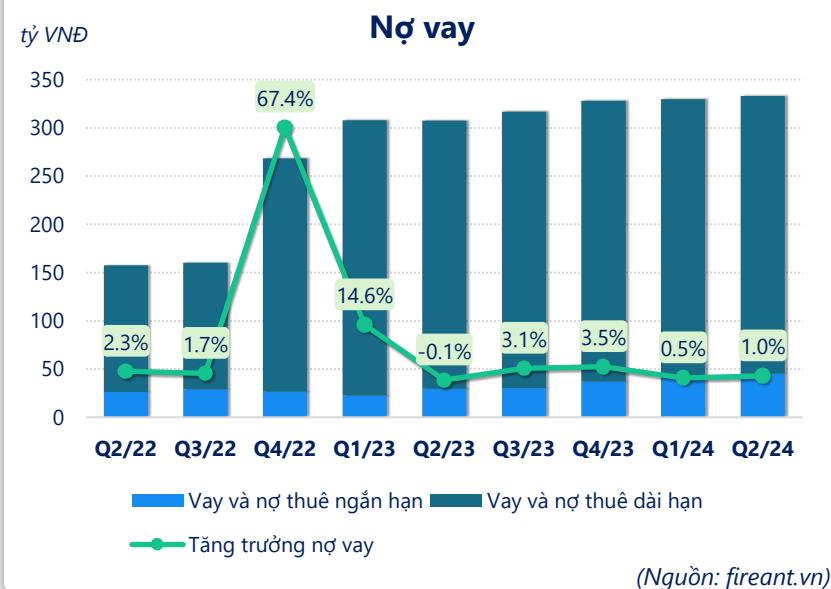
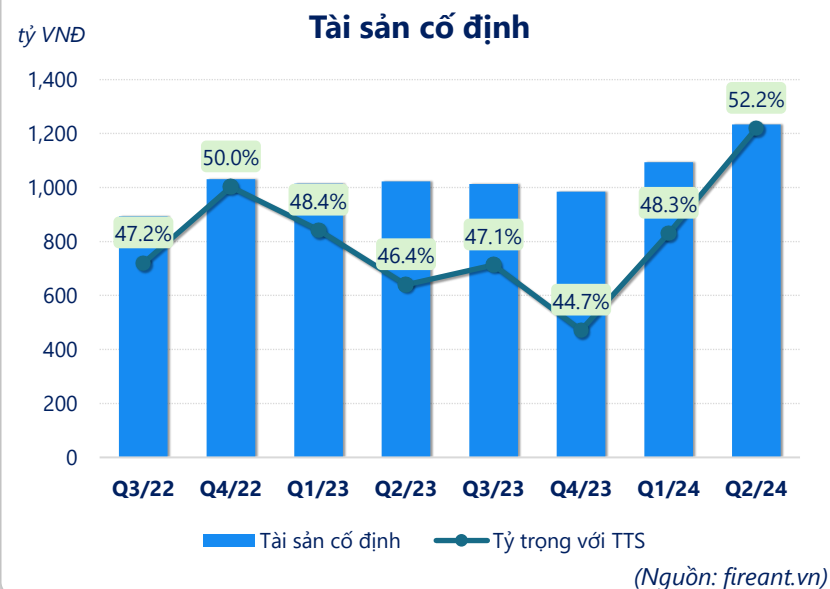
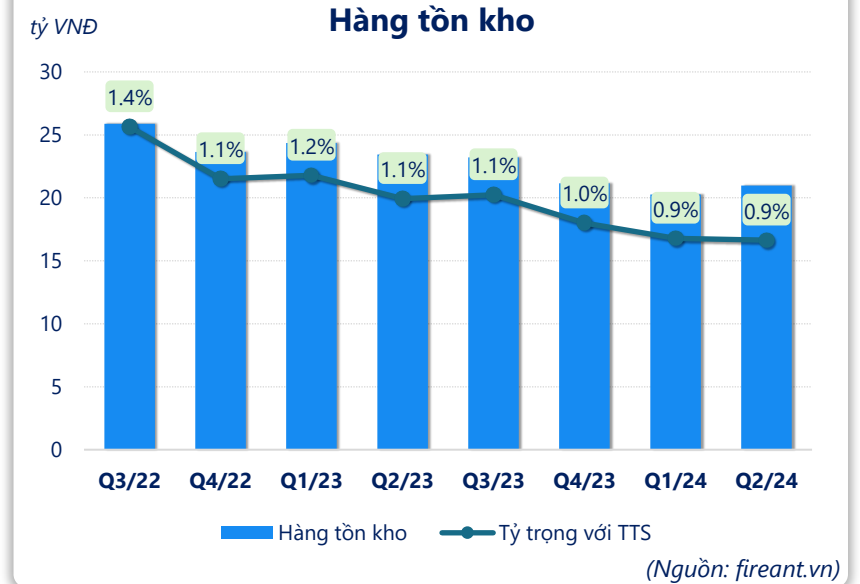
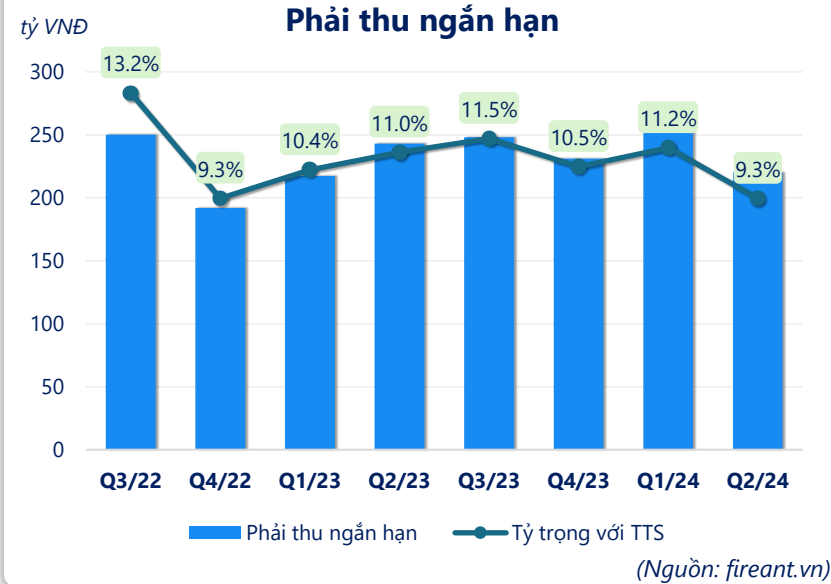
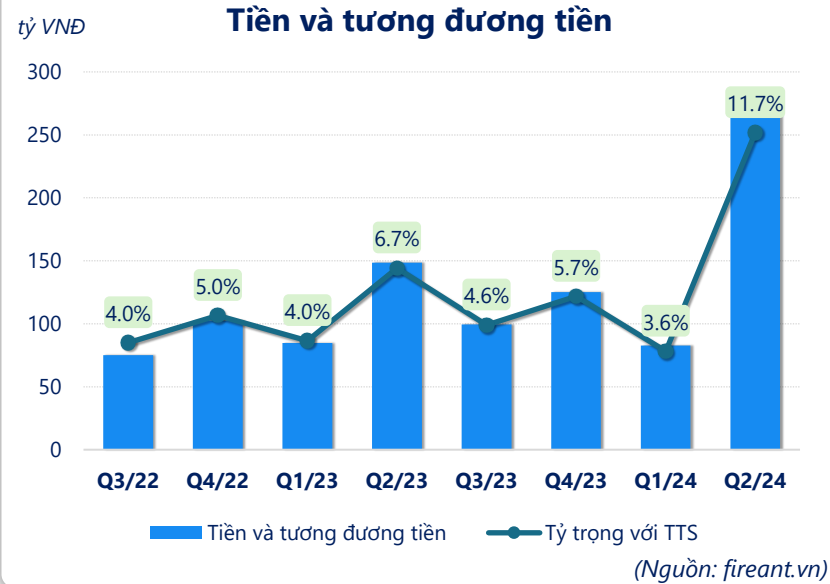
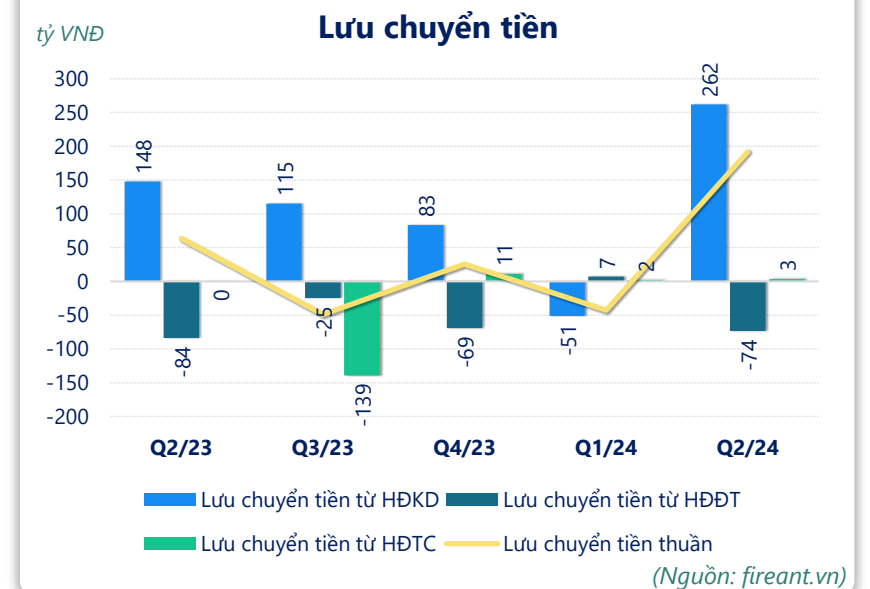
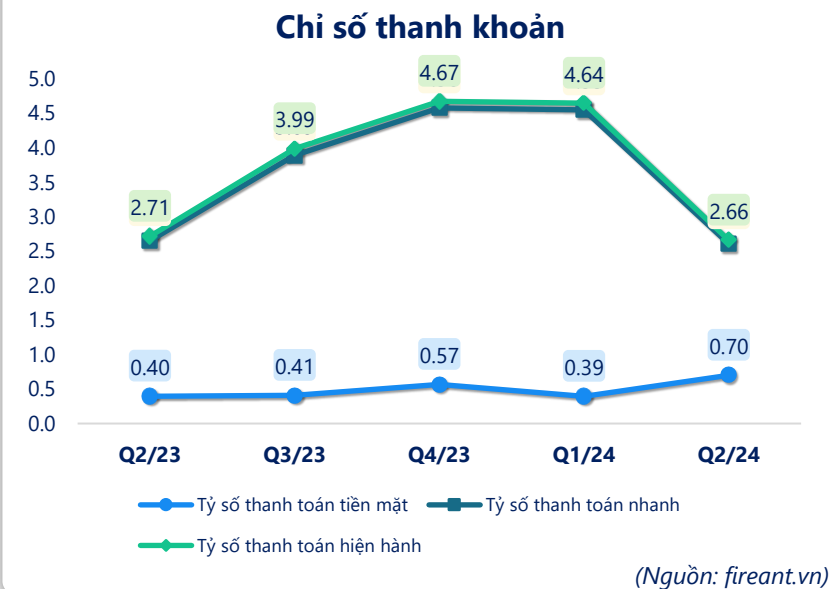
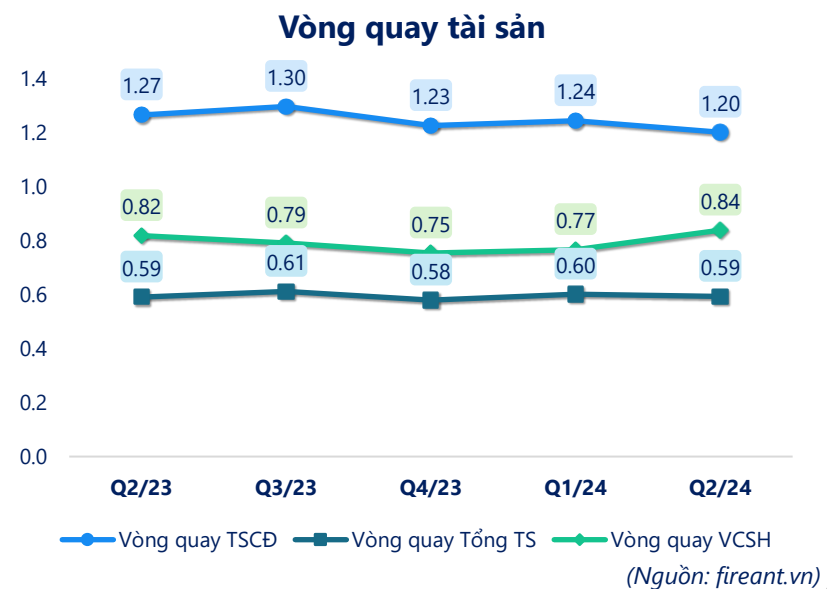
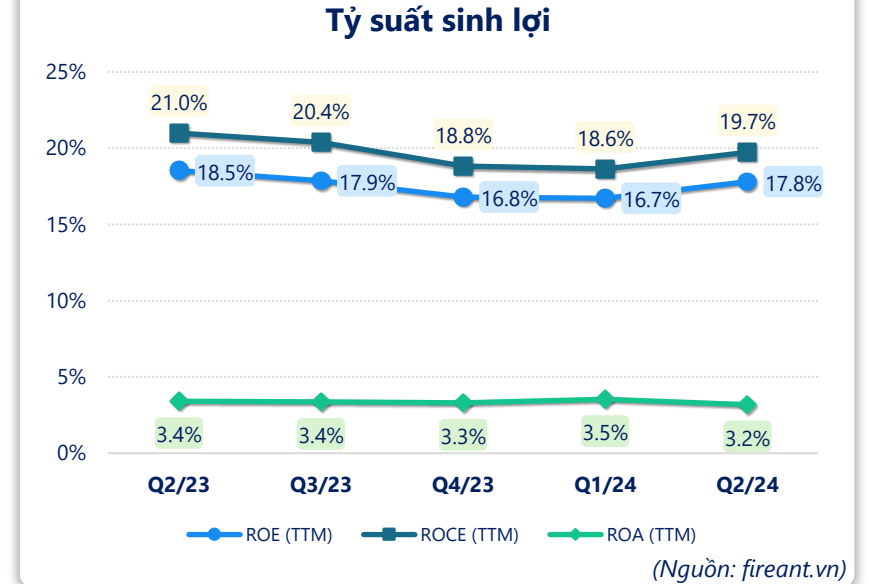
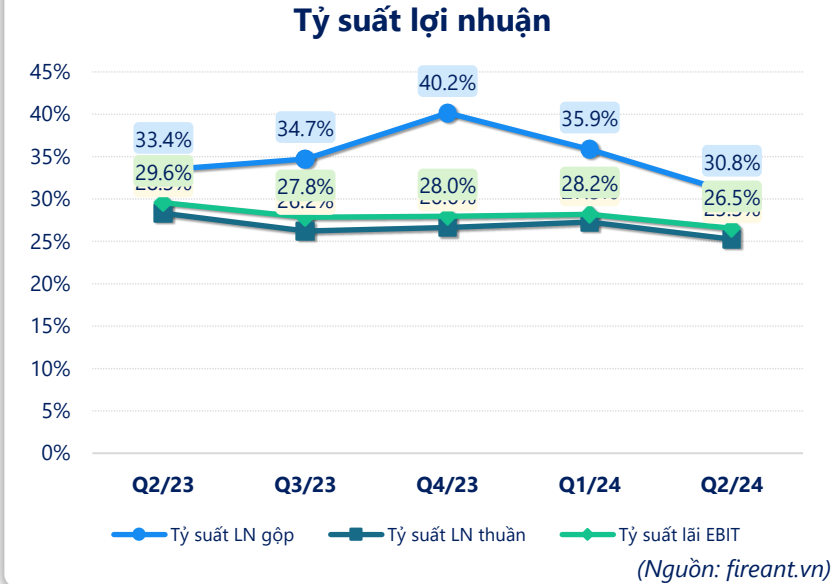
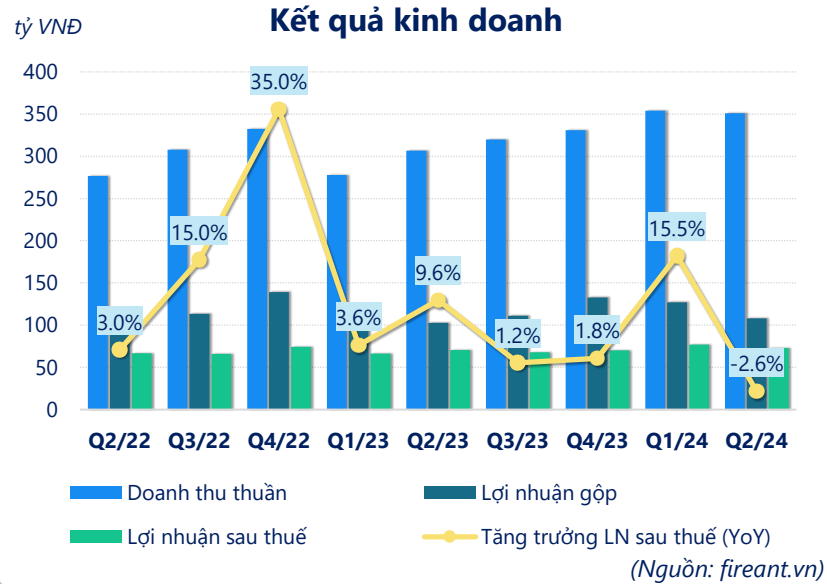


Thông tin giao dịch		28/06/2024
Giá hiện tại (VNĐ)		32,500
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		33,000
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		24,042
SL cổ phiếu LH		99,000,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)		22,390
% sở hữu nước ngoài		20.5%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		3,218
P/E		11.2
EPS		2,906

	YTD	1T	3T	6T
CDN	22.9%	8.8%	20.3%	25.2%
VNINDEX	10.0%	-2.7%	-3.0%	11.4%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/6/2024	Tại ngày 31/12/2023	Thay đổi
Tổng tài sản	2,363	2,202	7.3%
Tài sản ngắn hạn	1,055	1,032	2.3%
Tiền và tương đương tiền	278	125	122%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	473	606	-22.0%
Phải thu ngắn hạn	220	231	-4.8%
Hàng tồn kho	21.0	21.1	-0.8%
Tài sản ngắn hạn khác	64.0	48.7	31.6%
Tài sản dài hạn	1,308	1,170	11.8%
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	1,234	985	25.3%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	36.7	143	-74.2%
Đầu tư tài chính dài hạn	31.6	30.8	2.4%
Tài sản dài hạn khác	6.31	12.1	-47.7%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	685	512	33.8%
Nợ ngắn hạn	397	221	80.0%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	45.3	36.8	23.3%
Phải trả người bán ngắn hạn	53.2	49.7	6.8%
Nợ dài hạn	288	291	-1.2%
Vay và nợ thuê dài hạn	288	291	-1.2%
Nguồn vốn chủ sở hữu	1,679	1,691	-0.7%
Vốn chủ sở hữu	1,679	1,691	-0.7%
Vốn điều lệ	990	990	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q2/23	Q3/23	Q4/23	Q1/24	Q2/24
Doanh thu thuần	307	320	331	354	351
Giá vốn hàng bán	204	209	198	227	243
Lợi nhuận gộp	103	111	133	127	108
Doanh thu HĐTC	19.3	13.0	9.88	8.13	15.5
Chi phí TC	3.47	4.29	3.01	3.43	3.77
Chi phí lãi vay	3.35	4.39	2.56	3.38	4.47
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	3.41	3.33	8.74	1.03	3.02
Chi phí QLDN	28.1	32.5	42.8	34.1	28.0
LN thuần từ HĐKD	86.9	83.9	88.2	96.5	88.6
Lợi nhuận khác	0.46	0.71	1.76	-0.08	0.06
LN trước thuế	87.4	84.6	89.9	96.4	88.7
Lợi nhuận sau thuế	70.7	67.8	70.2	77.0	72.6
LNST của CĐ cty mẹ	70.7	67.8	70.2	77.0	72.6

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q2/23	Q3/23	Q4/23	Q1/24	Q2/24
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	148	115	83.5	-51.4	262
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-83.8	-24.8	-69.1	7.12	-73.7
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-0.19	-139	11.1	1.69	3.42
Tiền đầu kỳ	84.7	148	99.4	125	82.6
Lưu chuyển tiền thuần	63.6	-48.9	25.4	-42.6	192
Ảnh hưởng tỷ giá	0.10	-0.10	0.38	0	3.31
Tiền cuối kỳ	148	99.4	125	82.6	278

(Nguồn: fireant.vn)